

KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÌ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA ĐBSCL

*Gs.Tskh. Nguyễn Ngọc Trân*¹

Sự hình thành Chương trình KH và CN 2008 cho vùng ĐBSCL

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã và đang có nhiều đóng góp quan trọng cho nền kinh tế của đất nước. Chỉ nói về lúa gạo, từ chỗ ĐBSCL sản xuất khoảng 7 triệu tấn đầu thập niên 1980 đến sản lượng năm 2009 đạt 20,5 triệu tấn, KHvCN đã có phần đóng góp xứng đáng của mình. Tuy nhiên lĩnh vực này còn có thể đóng góp nhiều hơn nữa, nhất là khi vùng đất này đang đối diện với nhiều vấn đề về tự nhiên, kinh tế và xã hội có thể ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của vùng. Đó là những điều ai cũng chia sẻ.

Sau Chương trình khoa học cấp nhà nước *Điều tra cơ bản tổng hợp vùng đồng bằng sông Cửu Long (1983-1990)*², có rất ít đề tài cấp nhà nước cho vùng. Từ nhiều năm nay, hầu như chỉ có các đề tài nghiên cứu và triển khai của các tỉnh, vừa có tình trạng trùng lặp (cùng một nội dung tiến hành riêng lẻ ở nhiều tỉnh) vừa không toàn cục, để sót nhiều nội dung đặt ra cho cả vùng, hoặc liên tỉnh, cần có sự hợp tác nghiên cứu.

Các Sở KHvCN nhận thức được sự cần thiết này và sẵn sàng góp kinh phí nghiên cứu khoa học vào với nhau để thực hiện nhưng lại bị “kẹt về cơ chế” trong khi có nghịch lý là ngân sách dành cho nghiên cứu và triển khai ở cấp Bộ cũng như ở cấp tỉnh không sử dụng hết.

Trước tình cảnh bức xúc đó, cuối năm 2007 và đầu năm 2008, được sự đồng ý và khuyến khích của Bộ Khoa học và Công nghệ³, nhiều cuộc hội thảo được tổ chức tại Cần Thơ do Sở Khoa học và Công nghệ Thành phố Cần Thơ và Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long⁴ cùng tổ chức với sự tham gia tích cực của các Sở KHvCN các tỉnh ĐBSCL và các trường viện hoạt động trên địa bàn.

Sau nhiều cuộc thảo luận, *Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long*, mà sau đây được gọi tắt là *Chương trình KHvCN 2008 cho vùng ĐBSCL (CT KHvCN 2008)* đã được biên soạn.

¹ Nguyên Phó Chủ nhiệm Ủy Ban Khoa học và Kỹ thuật nhà nước (1980-1992), nguyên Chủ nhiệm Chương trình nhà nước *Điều tra cơ bản tổng hợp vùng đồng bằng sông Cửu Long*.

² Chương trình này trong giai đoạn 1983-1985 mang mã số 60-02, và 60-B trong giai đoạn 1986-1990.

³ Công văn số 176/BKHvCN-CQĐDPN ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xây dựng Chương trình khoa học và công nghệ vùng ĐBSCL.

⁴ *Trung tâm Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long* được thành lập theo Quyết định số 481/TCCB-QĐ của Ủy Ban Khoa học và Kỹ thuật nhà nước ngày 06/8/1991, nhằm phát huy kết quả và tiếp tục các công việc của Chương trình khoa học cấp nhà nước "*Điều tra cơ bản tổng hợp đồng bằng sông Cửu Long*". Từ khi thành lập, Trung tâm là một tổ chức khoa học, có tư cách pháp nhân, tự hạch toán. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ hiện nay số A-817 ngày 09/3/2009.

Về cách tiếp cận, tiếp nối Chương trình khoa học cấp nhà nước Điều tra cơ bản tổng hợp vùng đồng bằng sông Cửu Long,

(1) ĐBSCL được xem là một tổng thể, phần châu thổ sông Mêkong trên lãnh thổ Việt Nam, trong đó các ranh giới tỉnh mang ý nghĩa hành chính, không chi phối các yếu tố và quy luật tự nhiên;

(2) Khai thác tài nguyên để phát triển chỉ có thể bền vững khi nó phù hợp và không phá vỡ môi trường, vì vậy cần hiểu rõ các mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên và kinh tế xã hội trên địa bàn nghiên cứu.

Sơ đồ 1 trình bày *phương pháp luận* theo đó *CT KHvCN 2008* đã được xây dựng, xuất phát từ mục tiêu phát triển bền vững đến các nội dung phát triển kinh tế xã hội, từ đó đọc ngang các nhiệm vụ KH và CN có liên quan cần giải quyết trước mắt và lâu dài, ở cấp vùng và ở cấp tỉnh, rồi đến các chương trình thành phần của CT KHvCN 2008.

Sơ đồ 2 chỉ ra *các bước đi*, từ phân tích kinh tế xã hội (của các tỉnh và cả vùng) sang phân tích và tổng hợp các vấn đề KHvCN để đi đến *Báo cáo khởi đầu* và *Danh mục sơ bộ các đề tài* của CT KHvCN 2008, và cuối cùng trình với Bộ KHvCN để được phê duyệt. Việc tham khảo ý kiến của các Sở KHvCN, các viện trường và chuyên gia là thường xuyên trong quá trình xây dựng chương trình.

CT KHvCN 2008 gồm có *Báo cáo khởi đầu* và *Danh mục sơ bộ các đề tài*.

Báo cáo khởi đầu gồm có sáu phần: Phần I. Các căn cứ, nội dung chính, phương pháp xây dựng CT KHvCN 2008; Phần II. Đề xuất các chương trình KHvCN thành phần; Phần III. Phác thảo các nhiệm vụ trong các chương trình KHvCN tầm nhìn dài hạn; Phần IV. Đề xuất các chương trình KHvCN giai đoạn 2008-2010; Phần V. Đề xuất về tổ chức thực hiện.

Danh mục sơ bộ các đề tài của CT KHvCN 2008 trình bày vắn tắt các đề tài (tên, mục tiêu, nội dung, sản phẩm dự kiến, đơn vị dự kiến sẽ đảm nhiệm) của sáu chương trình thành phần: Chương trình công nghệ sinh học; Chương trình thích ứng công nghệ; Chương trình công nghệ thông tin; Chương trình tài nguyên và môi trường; Chương trình văn hóa xã hội và giải pháp quản lý triển khai; Chương trình phát triển tiềm lực KH&CN.

Ban biên tập đã tham khảo đầy đủ các ý kiến đã được phát biểu bằng văn bản và trong các cuộc hội thảo của các chuyên gia, của các viện trường đóng trên địa bàn, và của các Sở Khoa học và Công nghệ của các tỉnh thành phố ĐBSCL và Tp. Hồ Chí Minh.

Hai tài liệu trên đã được Sở KHvCN Tp. Cần Thơ gửi đến Bộ KH&CN thông qua các vụ ban chức năng, và Sở KHvCN các tỉnh ĐBSCL.

Những cập nhật và bổ sung cần thiết

CT KHvCN 2008 đã được xây dựng cách đây ba năm. Việc *cập nhật* các số liệu và *bổ sung* các nội dung là cần thiết, theo tôi trong các hướng sau đây.

1. Thống nhất cách hiểu cụm từ đồng bằng sông Cửu Long

Nên hiểu vùng ĐBSCL theo nghĩa nào? Là bộ phận trên lãnh thổ Việt nam của châu thổ sông Mêkông, hay là không gian của 12 tỉnh thành phố trực thuộc trung ương, hay là “Tây Nam Bộ” nơi mà hiện nay có một Ban Chỉ đạo, có một quy hoạch tổng thể kinh tế xã hội nhưng nền kinh tế đang phát triển theo tỉnh, và có nên phát triển theo vùng hay không vẫn còn là một sự phân vân trước một vấn đề đã được nêu lên từ cuối thế kỷ trước?

2. Dự báo và ứng phó với tác động kép của biến đổi khí hậu toàn cầu và khu vực lên ĐBSCL

Từ nhiều năm gần đây, biến đổi khí hậu và nước biển dâng đã là một thực tế. Tháng 12 năm 2008, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt *Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu*, và thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia, Ban Chủ nhiệm và Văn phòng của Chương trình⁵.

Đối với ĐBSCL, tháng 7 năm 2008, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã thành lập Ban chỉ đạo *Quy hoạch tổng thể thủy lợi vùng ĐBSCL trong điều kiện biến đổi khí hậu - nước biển dâng*⁶.

Trong bối cảnh ĐBSCL chịu tác động kép, từ nguồn nước thượng nguồn và từ biển, của biến đổi khí hậu, nhiều công trình nghiên cứu ở trong nước và ở nước ngoài đã được triển khai liên quan đến dòng chảy sông Mêkông từ thượng nguồn về, đến tác động của việc xây dựng các đập, của việc chia nước và chuyển lưu vực, về triều và dòng chảy bề mặt, về mực nước biển dâng, về những biến đổi ở đới ven bờ, v.v. ... Một số công trình đánh giá những biến đổi về mức nước biển, về mưa, về chế độ gió tại các trạm thủy văn ở ĐBSCL, đặc biệt tại các trạm cửa biển trong những thập kỷ vừa qua.

Trong nỗ lực tìm cách ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nhiều dự án, đề án, ý tưởng đã được đưa ra. Đáng chú ý nhất là những đề xuất của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam (Hình 1, 2) và ý tưởng *Đê quai lán biển Vũng Tàu – Gò Công* của Tổng Cục Thủy lợi (Hình 3). Đáng chú ý vì tổng dự toán đầu tư kết sù trong khi, và nhất là vì tác động lên môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội chưa được làm rõ và chưa lường hết được.

Ngoài ra còn phải lưu ý đến khá nhiều dự án công trình xâm phạm đến các bãi triều, đường bờ biển của ĐBSCL như các nhà hàng, các khu “du lịch sinh thái”, hoặc như dự án Nhà máy nhiệt điện Trà Vinh (EPC nhà thầu Trung Quốc), như kênh Tắt đào cắt ngang huyện Duyên Hải tỉnh Trà Vinh trở ra Biển Đông trong dự án Luồng tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu qua Kênh Quan Chánh Bó. (Xem một số hình ảnh).

Cơ sở khoa học, tính khả thi, và báo cáo tác động lên môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội, ngoài trách nhiệm của chủ đầu tư phải bảo vệ trước các cơ quan chức năng theo luật định, cũng phải là mối quan tâm, nếu không nói là nhiệm vụ, của Chương trình KHvCN, chí ít với tiếng nói phản biện.

3. Cần bổ sung các đề tài kinh tế, xã hội và nhân văn

⁵ Quyết định số 158/2008/QĐ-CP, của Thủ tướng Chính phủ.

⁶ Quyết định số 1996/QĐ-BNN-TL ngày 03/7/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & Phát triển nông thôn thành lập Ban chỉ đạo Quy hoạch tổng thể thủy lợi Đồng bằng sông Cửu Long phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và các ngành kinh tế trong điều kiện nước biển dâng. Tác giả là một thành viên của Ban Chỉ đạo.

Vấn đề xã hội và nhân văn còn ít trong CT KHvCN 2008, chưa tương xứng với tầm quan trọng của nó. Chương trình sẽ phiên diện nếu chỉ đề cập tới lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ⁷.

Sự tăng trưởng về sản xuất nông nghiệp ở ĐBSCL trong thời gian qua rất ngoạn mục. Tuy nhiên *tính bền vững* của nó, trong một số lĩnh vực, bị tác động mạnh mẽ bởi thị trường mà *cái lờ trước mắt, cục bộ* thường là động lực chi phối chính át đi *cái lợi lâu dài, toàn cục*. Mặt khác, *mối quan hệ giữa ba khu vực sản xuất - chế biến - tiêu thụ* không phải lúc nào cũng hài hòa và thông suốt. Đó là chưa nói đến biến đổi khí hậu tác động lên hiện trạng này.

Con đường *công nghiệp hóa theo hướng hiện đại* ở ĐBSCL là thế nào, và được thực hiện với *nguồn nhân lực* nào?

Vấn đề nông nghiệp – nông thôn – nông dân ở ĐBSCL là cực kỳ quan trọng. Nghị quyết 26-NQ/TW được cụ thể hóa, thể chế hóa ra sao với những đặc thù nào của vùng đất này; *vai trò của Nhà nước đối với thị trường* là gì trong cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ trương “*Nhà nước và nhân dân cùng làm*” thực hiện sao cho đúng, tránh hai thái cực, chờ đợi bao cấp và dồn gánh nặng lên dân, ... là những đề tài cần có trong Chương trình KHvCN vùng ĐBSCL.

4. Phát triển kinh tế vùng, một yêu cầu khách quan

Một nội dung đã đến lúc cần đề cập là *phát triển kinh tế vùng ở ĐBSCL*.

Cách đây 25 năm, trong Báo cáo tổng hợp kết thúc giai đoạn nghiên cứu 1983-1985, tháng 3 năm 1986, *Chương trình điều tra cơ bản tổng hợp đồng bằng sông Cửu Long*, mã số 60-02, đã kiến nghị “*cần có một chính sách phát triển kinh tế vùng đồng bằng sông Cửu Long*”.

Cách đây 20 năm, trong Báo cáo tổng hợp của Chương trình, giai đoạn 1986-1990, mã số 60-B, tháng 3 năm 1991⁸, từ thực tiễn của ĐBSCL về mặt tự nhiên cũng như về mặt kinh tế xã hội đã được nghiên cứu, Chương trình 60-B, tiếp nối và phát triển kiến nghị mà Chương trình đã đưa ra năm 1986, đã đề ra *tám quan điểm phát triển kinh tế vùng*⁹, và một số *gợi ý về biện pháp* nhằm thực hiện *Chiến lược phát triển vùng ĐBSCL cho đến đầu thế kỷ XXI*¹⁰.

Từ đó đến nay, trên nhiều diễn đàn, vấn đề phát triển kinh tế vùng đã được nói đến nhiều nhưng vẫn còn không ít ngậm ngùi.

⁷ Xin được lưu ý rằng bản thân từ *công nghệ* đã bao hàm nội dung kinh tế.

⁸ “*Đồng bằng sông Cửu Long, Tài nguyên – Môi trường – Phát triển*”, Báo cáo tổng hợp của *Chương trình Điều tra cơ bản tổng hợp vùng Đồng bằng sông Cửu Long*, Ủy Ban Khoa học Nhà nước, Hà Nội, 3.1991.

⁹ CT 60-B đã đề xuất tám quan điểm. Đó là: 1. Phát triển “*Vi cả nước, cùng cả nước*”; 2. Phát triển nền kinh tế hàng hóa; 3. Phát triển nền kinh tế mở, liên kết trên cơ sở phát huy cao nhất những yếu tố bên trong; 4. Phát triển đồng bộ, năng động và vững chắc; 5. Khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường đúng quy luật và phát triển bền vững; 6. Nhận thức đúng mức tầm quan trọng, khai thác vùng lãnh hải, các đảo và quần đảo; 7. Phát huy vị trí địa lý trung tâm khu vực Đông Nam châu Á của ĐBSCL và Nam Bộ, nơi đã từng có thời kỳ cực thịnh trong giao lưu kinh tế với bên ngoài; 8. Ý chí phát triển.

¹⁰ Các đề xuất của CT là: 1. Vấn đề vốn; 2. Các chính sách đòn bẩy; 3. Các Chương trình mục tiêu, các vấn đề then chốt cần triển khai; 4. Vấn đề khoa học, kỹ thuật và môi trường; 5. Năm đổi mới định chế và cơ chế quản lý kinh tế xã hội (tiền tệ, ngân sách-thuế, ngân hàng-tín dụng, hành chính, luật pháp); 6. Về tổ chức thực hiện.

Sau khi gia nhập WTO, nền kinh tế Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng với nền kinh tế thế giới. Thuận lợi và thời cơ mở ra rộng đồng thời với khó khăn và thách thức phải đối diện, không ít và gay gắt.

ĐBSCL là địa bàn biểu hiện cụ thể nhất của thách thức và cạnh tranh khắc nghiệt với thị trường bên ngoài, bởi tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của ĐBSCL rất cao trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước, đặc biệt về nông, thủy sản.

Thời cơ đã được nắm bắt ra sao, thách thức đã được đối phó thế nào tại ĐBSCL từ khi gia nhập WTO? Mỗi tỉnh hay toàn vùng đối phó, đặng nào lợi hơn? Cộng tiềm lực của 12 tỉnh thành phố lại với nhau có phải là tiềm lực kinh tế của vùng ĐBSCL? Thực tế đã cho thấy phát triển kinh tế theo tỉnh không phát huy hết thế mạnh của đồng bằng, hạn chế khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam trên thị trường trong và ngoài nước, thậm chí đôi khi còn hại nhau.

Đó là một số câu hỏi bức bách đặt ra để “*Việt Nam tích cực và chủ động hội nhập với thế giới*” như Đại hội Đảng lần thứ XI đã nghị quyết.

Còn một lý do nữa thôi thúc thêm nữa việc đổi mới quản lý và điều hành, trên quy mô ĐBSCL. Đó là ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng cần được nhìn nhận *trên toàn đồng bằng* và phù hợp với quy luật, không bị chi phối bởi ranh giới tỉnh.

5. Cần đảm bảo sự phát triển bền vững

Tăng trưởng kinh tế, thỏa được công bằng và tiến bộ xã hội nhưng môi trường suy thoái, cạn kiệt, sẽ không có được phát triển bền vững.

Tăng trưởng kinh tế, bảo vệ được môi trường nhưng xã hội bị phân hóa giàu nghèo, bị phân tầng về giáo dục, về hưởng thụ văn hóa quá mức, phát triển cũng sẽ không thể có ổn định để phát triển.

Xã hội công bằng, kết quả của các thành tựu được chia đều cho mọi người, môi trường được bảo vệ nhưng kinh tế không tăng trưởng thì mô hình tồn tại được nhưng sẽ không lâu dài, đặc biệt trong một thế giới cạnh tranh quyết liệt và ngày càng có nhiều giao lưu.



Một mô hình phát triển chỉ bền vững khi nó bảo đảm *cùng một lúc tăng trưởng kinh tế, công bằng và tiến bộ xã hội, và môi trường được bảo vệ.*

Để một mô hình phát triển được như vậy, Hội nghị thượng đỉnh về phát triển bền vững Johannesburg 2002 thống nhất cho rằng điều kiện tiên quyết là đất nước (hay vùng lãnh thổ) phải được *quản lý và điều hành tốt*¹¹.

Tất cả những điều này rất cần được liên hệ đến ĐBSCL, nhìn lại trong thời gian qua và đặt vào tầm nhìn những thập niên tới. Theo tôi, chúng nên được thể hiện như là mối quan tâm hàng đầu của Chương trình KHvCN vùng ĐBSCL.

Chương trình KHvCN và ý chí phát triển

Chương trình KHvCN vùng ĐBSCL là một thể hiện *mong muốn*, cũng có thể nói là *ý chí*, của cộng đồng khoa học và công nghệ đóng góp để vùng ĐBSCL phát triển bền vững *cùng cả nước và vì cả nước*.

Nhưng một mình KHvCN không thể thực hiện được ý chí đó.

Bốn năm trước, nhiều cuộc hội thảo đã được tổ chức, được Bộ KHvCN và Ban Chỉ đạo Tây Nam Bộ ủng hộ và khuyến khích. Một chương trình KHvCN cho vùng đã được xây dựng và đề đạt cách đây đã ba năm, nhưng chưa triển khai được và được giải thích là vì “*bị kẹt về cơ chế*”.

Có đúng như vậy không? Chương trình 60-02 và 60-B đã cung cấp một mô hình về quản lý nhà nước một chương trình khoa học mà kết quả đã được kiểm nghiệm trên thực tế. Những người bi quan thì cho rằng mô hình quản lý đó là một *trường hợp ngoại lệ* xác nhận một thực tế. Những người lạc quan thì cho rằng mô hình quản lý đó cho thấy các cơ chế không phải là không thể cải tiến¹².

Cơ chế được đặt ra để phục vụ quản lý chứ không phải là một bộ khung bắt di bất dịch mà quản lý phải tuân thủ tuyệt đối. Vì vậy các cơ chế phải luôn được các nhà quản lý và điều hành cải tiến. Trong lĩnh vực KHvCN cũng thế.

Cải tiến cơ chế quản lý thuộc một phạm trù rộng hơn. Đó là *ý chí phát triển*. Thiếu nó, có nhiều khả năng bốn năm năm sau, đến hẹn lại lên, cộng đồng khoa học lại sẽ được mời hội thảo và bàn luận về cùng chủ đề!

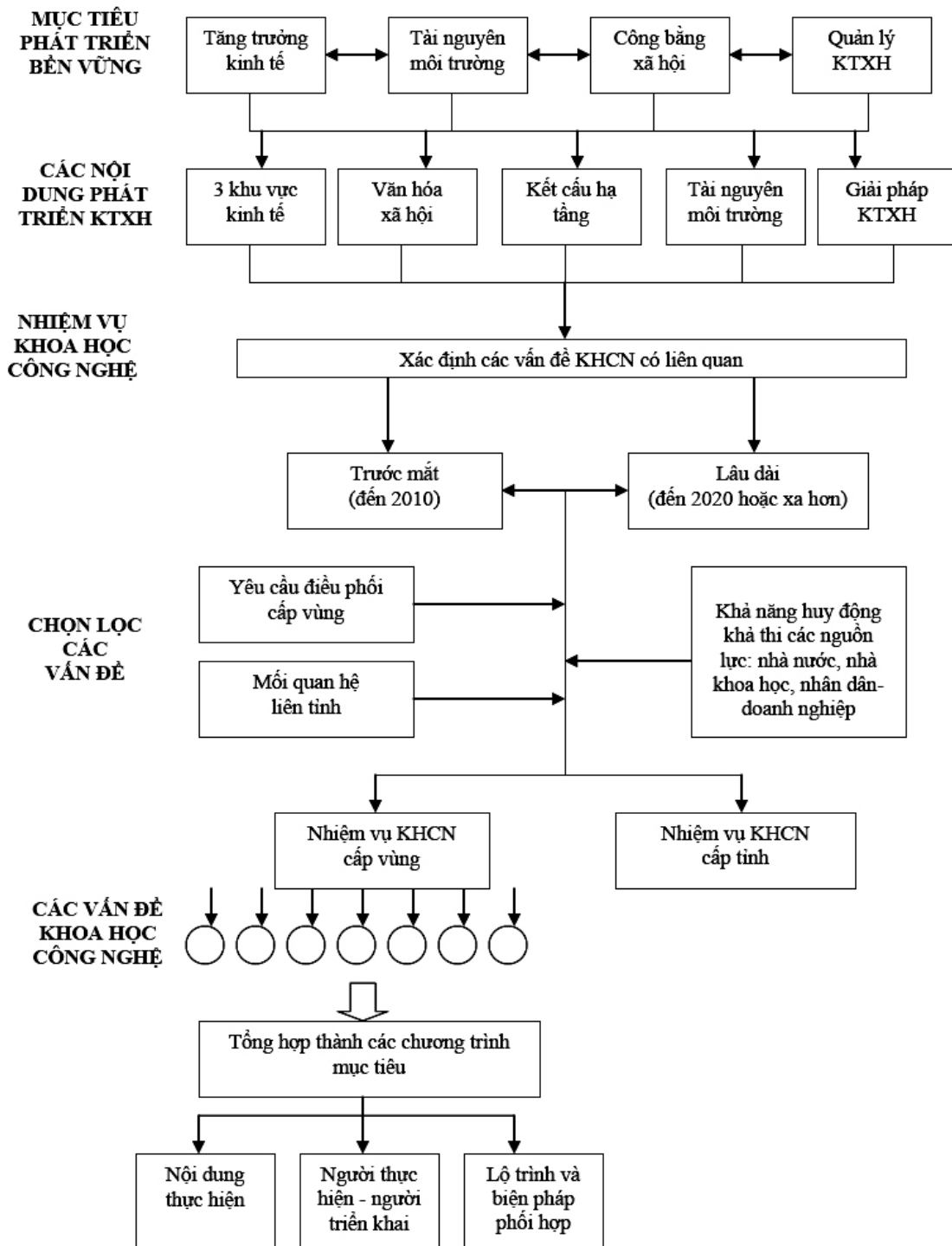
Ý chí phát triển không trừu tượng hay thuần túy lý luận, mà được thể hiện qua *mục đích, phương hướng, mục tiêu phát triển* trong từng thời kỳ dựa trên cơ sở khoa học, được tổ chức thực hiện thông qua *một guồng máy* hành chính - kinh tế - tài chính hoạt động có hiệu quả, và *các biện pháp, các chương trình hành động* trong đó có các nhiệm vụ, chương trình KHvCN, và sự vận động nhân dân tham gia công tác phát triển./.

¹¹ Về Hội nghị thượng đỉnh về phát triển bền vững Johannesburg 2002, có thể tham khảo Nguyễn Ngọc Trân, “*Những hòn đá nhỏ vì sự phát triển bền vững*”, trang 30-39, Nhà xuất bản Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh, 8.2011.

¹² Rất tiếc là mô hình quản lý chương trình 60-02, 60-B không được đánh giá, tổng kết sau khi Chương trình kết thúc, như Ban Chủ nhiệm chương trình đề xuất.

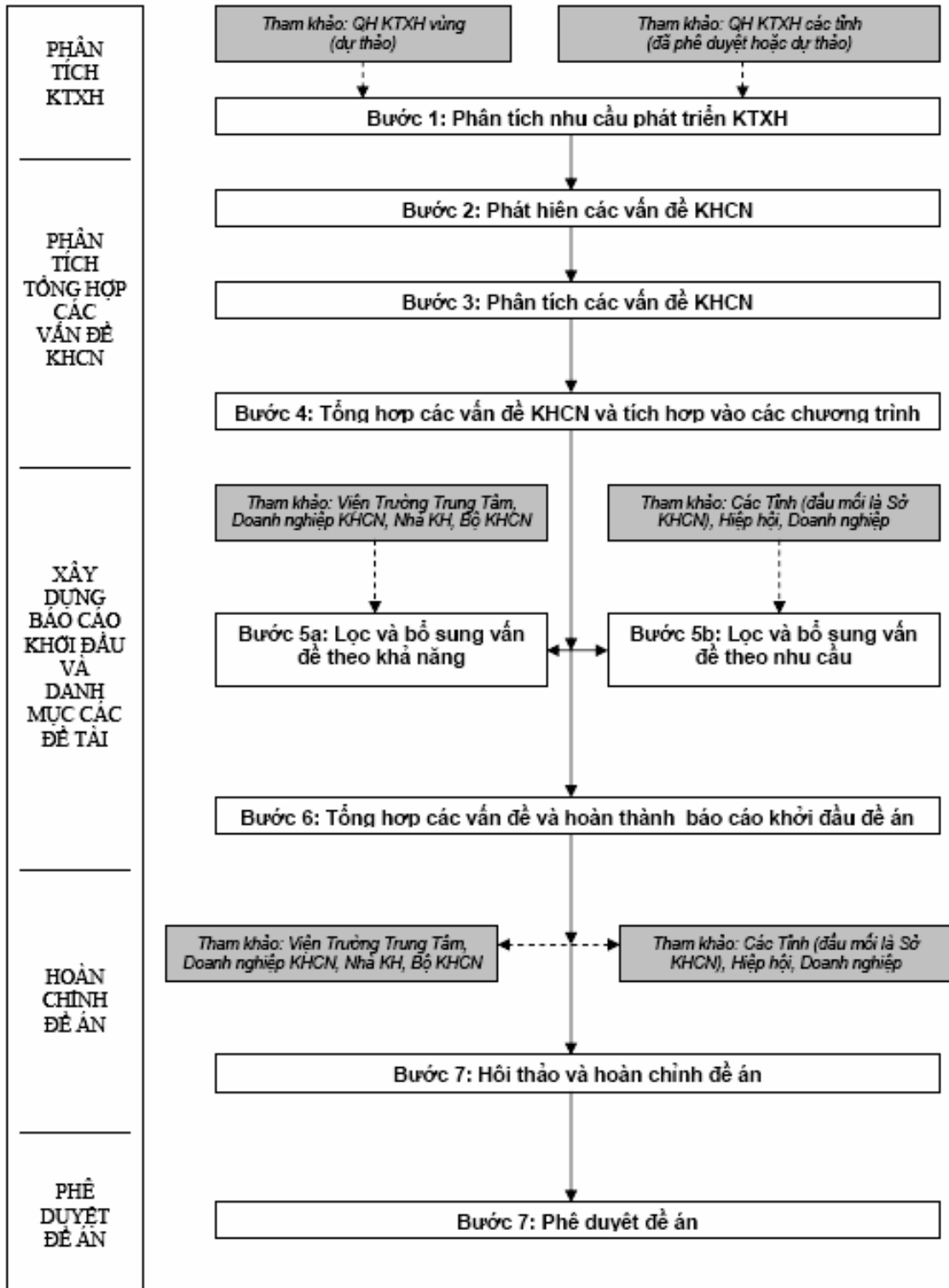
Sơ đồ 1

Sơ đồ xác định các chương trình khoa học công nghệ



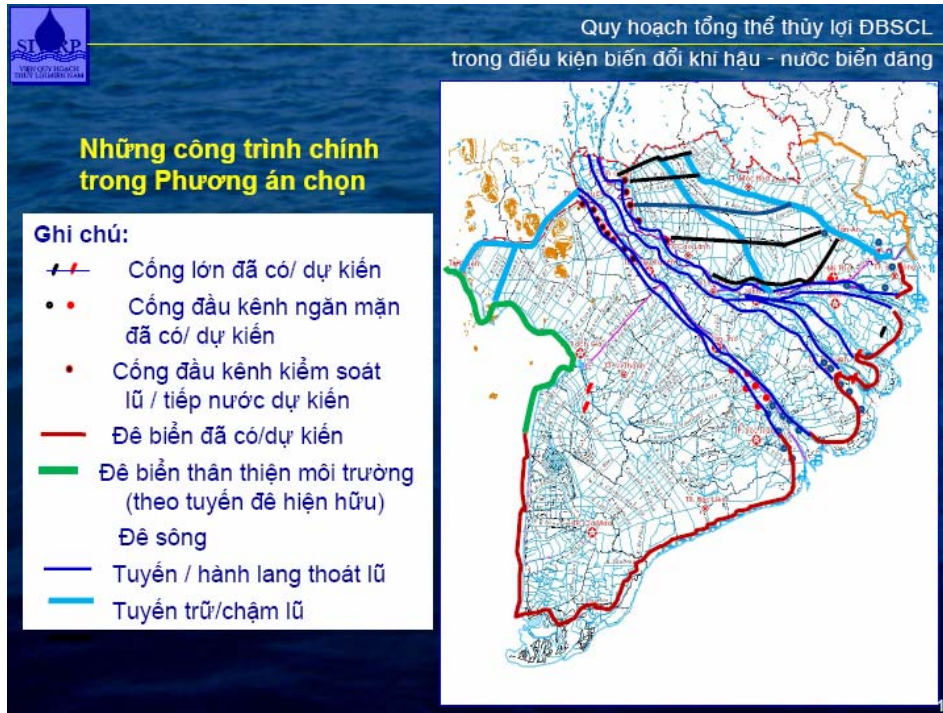
Nguồn: CT KHvCN 2008

Sơ đồ 2. Các bước hình thành CT KHvCN 2008



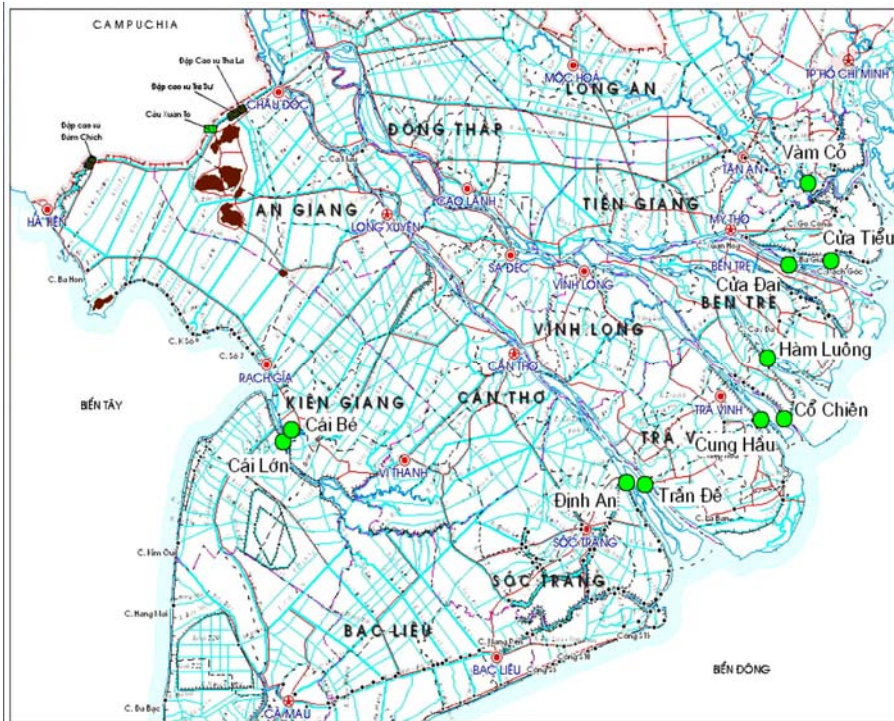
Nguồn: CT KHvCN 2008

Hình 1. Những công trình chính được đề xuất trong Phương án được lựa chọn cho Quy hoạch tổng thể thủy lợi trong điều kiện biến đổi khí hậu – mực nước biển dâng



Nguồn: Viện Quy hoạch Thủy Lợi Miền Nam

Hình 2. Sơ đồ dự kiến bố trí hệ thống công lớn trên các cửa sông ĐBSCL



Nguồn: Viện Quy hoạch Thủy Lợi Miền Nam

Hình 3. Ý tưởng đê quai lấn biển Vũng Tàu – Gò Công



Nguồn: Tổng Cục Thủy Lợi, Bộ NN&PTNT

Ý tưởng đê quai lấn biển Vũng Tàu – Gò Công được đưa ra nhằm giải quyết vấn đề ngập cho Tp. Hồ Chí Minh, biến bên trong đê thành hồ nước ngọt, và rút ngắn giao thông bộ giữa Vũng Tàu và ĐBSCL. Từ ý tưởng, Tổng Cục Thủy lợi đã đề xuất đưa thành dự án. Tổng dự toán đầu tư ban đầu là 50.000 tỷ đồng.

Một số hình ảnh về tác động của con người lên môi trường tự nhiên ĐBSCL



Luồng thiên nhiên Định An và luồng nhân tạo Kênh Quan Chánh Bó + Kênh Tắt. TDT đầu tư ban đầu 200 triệu USD



Nền nhà máy nhiệt điện Trà Vinh được tôn lên bằng cát thổi từ bãi triều Trà Vinh. Dự án đầu tư EPC Trung Quốc



RNM bên ngoài Cống Lung Ranh (Cà Mau) năm 2001



RNM bên ngoài Cống Lung Ranh (Cà Mau) năm 2003



RNM bên ngoài Cống Lung Ranh (Cà Mau) năm 2009



Bờ biển đầu Kênh Ô Rô gần Khai Long (Cà Mau),



Xối lờ gần các quán ăn xây trên bãi bồi. Kè đang xây tại Khu du lịch Đát Mũi, trên một bãi triều.